Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7104.10.20

Mã HS	7104.10.20
Mô tả hàng hóa	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển / - Thạch anh áp điện: / - - Đã gia công
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 19:14:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71041020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10673
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10673
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10673
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10673
Thuế XK ưu đãi CPTPP	5	5%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10673
Thuế XK ưu đãi EVFTA	5	5%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10673
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	5	5%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10673

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10123
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10074
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10074
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10074
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10074
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10074
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10074
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10126
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10126
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10126
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10126

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10126
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10126
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10127
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10127
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10127
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10127
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10127
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10127
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10128
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10080
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10086
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10086
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10086
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10086
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10086
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10086
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10111
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10111
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10111
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10111
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10111
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10111
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10164
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10164
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10164
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10164

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10164
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10164
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10149
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10149
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10149
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10149
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10149
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10149
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10149
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10149
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10149
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10149
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10149
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10149
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10166
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10166
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10166
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10166
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10166
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10166
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10165
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10165
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10165
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10165
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10165
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10165

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10106
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10106
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10106
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10106
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10106
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10106
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10106
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10143
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10143
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10143
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10143
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10143
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10143
RCEP B	2022	2022	0	B!D10143
RCEP B	2023	2023	0	B!E10143
RCEP B	2024	2024	0	B!F10143
RCEP B	2025	2025	0	B!G10143
RCEP B	2026	2026	0	B!H10143
RCEP B	2027	2027	0	B!I10143
RCEP C	2022	2022	0	C!D10143
RCEP C	2023	2023	0	C!E10143
RCEP C	2024	2024	0	C!F10143
RCEP C	2025	2025	0	C!G10143
RCEP C	2026	2026	0	C!H10143
RCEP C	2027	2027	0	C!I10143
RCEP D	2022	2022	0	D!D10142

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10142
RCEP D	2024	2024	0	D!F10142
RCEP D	2025	2025	0	D!G10142
RCEP D	2026	2026	0	D!H10142
RCEP D	2027	2027	0	D!I10142
RCEP E	2022	2022	0	E!D10146
RCEP E	2023	2023	0	E!E10146
RCEP E	2024	2024	0	E!F10146
RCEP E	2025	2025	0	E!G10146
RCEP E	2026	2026	0	E!H10146
RCEP E	2027	2027	0	E!I10146
RCEP F	2022	2022	0	F!D10143
RCEP F	2023	2023	0	F!E10143
RCEP F	2024	2024	0	F!F10143
RCEP F	2025	2025	0	F!G10143
RCEP F	2026	2026	0	F!H10143
RCEP F	2027	2027	0	F!I10143
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9381
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9381
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9381
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9381

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7104.10 có 2 dòng thuế; dòng 7104.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đã gia công.	7104.10.10 Chưa được gia công	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7104.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7104.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10673), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.